

LIST OF LIVE AQUATIC SPECIES PERMITTED TO BE IMPORTED AS FOOD

(Issued in conjunction with Circular No. 04/2015/TT-BNTPTNT dated February 12, 2015 of the Ministry of Agriculture and Rural Development)

No	Subject (Vietnamese name and English name, if any) ⁴	Scientific name
A. Subject to be raised in saltwater/brackish water		
I	Fish species	
1	Cá Bống bớp [Four - eyed sleeper]	<i>Bostrichthys sinensis</i>
2	Cá Bơn vôi [Olive flounder]	<i>Paralichthys olivaceus</i>
3	Cá Bớp biển (cá Giò) [cobia, king fish]	<i>Rachycentron canadum</i>
4	Cá Cam [Greater amberjack]	<i>Seriola dumerili</i>
5	Cá Chẻm (cá Vược) [Giant seaperch]	<i>Lates calcarifer</i>
6	Cá Chim trắng [Silver pomfret]	<i>Pampus argenteus</i>
7	Cá Đồi mực [Bully mullet]	<i>Mugil cephalus</i>
8	Cá Đù đỏ (cá Hồng Mỹ) [Red drum]	<i>Sciaenops ocellatus</i>
9	Cá Hồng [Crimson snapper]	<i>Lutjanus erythropterus</i>
10	Cá Hồng bạc [Mangrove red snapper]	<i>Lutjanus argentimaculatus</i>
11	Cá Hồng đỏ [Blood snapper]	<i>Lutjanus sanguineus</i>
12	Cá Măng biển [Bony salmon]	<i>Chanos chanos</i>
13	Cá Mú (song) chấm [Brownspotted grouper]	<i>Epinephelus chlorostigma</i>
14	Cá Mú (song) chấm đỏ [Hong Kong grouper]	<i>Epinephelus akaara</i>
15	Cá Mú (song) chấm đen [Malabar grouper]	<i>Epinephelus malabaricus</i>
16	Cá Mú (song) đen chấm nâu [Orange-spotted grouper]	<i>Epinephelus coioides</i>
17	Cá Mú (song) chấm gai [Areolate grouper]	<i>Epinephelus areolatus</i>
18	Cá Mú (song) chấm tổ ong	<i>Epinephelus merna</i>
19	Cá Mú (song) chấm xanh/trắng [Leopard coral grouper]	<i>Plectropomus leopardus</i>
20	Cá Mú (song) chấm vạch [Banded grouper]	<i>Epinephelus amblycephalus</i>
21	Cá Mú (song) dẹt/chuột [Humpback grouper]	<i>Cromileptes altivelis</i>
22	Cá Mú (song) hoa nâu/Mú cộp [brown-marbled grouper]	<i>Epinephelus fuscoguttatus</i>
23	Cá Mú (song) mỡ /Mú ruồi [Greasy grouper]	<i>Epinephelus tauvina</i>
24	Cá Mú (song) nghệ [Giant grouper]	<i>Epinephelus lanceolatus</i>
25	Cá Mú (song) sao [Spotted coral grouper]	<i>Plectropomus maculatus</i>
26	Cá Mú (song) sáu sọc [Sixbar grouper]	<i>Epinephelus sexfasciatus</i>
27	Cá Mú (song) sáu sọc ngang [Black-tipped	<i>Epinephelus fasciatus</i>

⁴ With respect to some species, common names other than Vietnamese name (if available) are added into brackets "[]" by translator for reference only

No	Subject (Vietnamese name and English name, if any) ⁴	Scientific name
	grouper]	
28	Cá Mú (song) vach [Longtooth grouper]	<i>Epinephelus brunneus</i>
29	Cá Ngựa chằm [Longnose seahorse]	<i>Hyppocampus trinaculatus</i>
30	Cá Ngựa đen [Spotted seahorse]	<i>Hyppocampus kuda</i>
31	Cá Ngựa gai [Thorny Seahorse]	<i>Hyppocampus histrix</i>
32	Cá Ngựa Nhật bản [lemur-tail seahorse]	<i>Hyppocampus japonica</i>
33	Cá Tráp vây vàng [Yellowfin seabream]	<i>Sparus latus</i>
34	Cá vược mõm nhọn [Waigieu seaperch]	<i>Psammoperca Waigiensis</i>
II	Crustacean species	
1	Cua Biển [Mud crab]	<i>Scylla paramamosain</i>
2	Cua Xanh (cua Bùn) [mangrove crab]	<i>Scylla serrata</i>
3	Cua Cà ra	<i>Erischei sinensis</i>
4	Ghẹ Xanh [Blue crab]	<i>Portunus pelagicus</i>
5	Tôm He ấn Độ [Indian prawn]	<i>Penaeus indicus</i>
6	Tôm He Nhật [Kuruma prawn]	<i>Penaeus japonicus</i>
7	Tôm Hùm bông [ornate rock lobster]	<i>Panulirus ornatus</i>
8	Tôm Hùm đá [Scalloped spiny lobster]	<i>Panulirus homarus</i>
9	Tôm Hùm đỏ [Longlegged Spiny Lobste]	<i>Panulirus longipes</i>
10	Tôm Hùm vằn [Painted spiny lobster]	<i>Panulirus versicolor</i>
11	Tôm Mùa (tôm Lót) [Banana prawn]	<i>Penaeus merguensis</i>
12	Tôm Nương [Oriental shrimp]	<i>Penaeus orientalis</i>
13	Tôm Ráo [Greasyback shrimp]	<i>Metapenaeus ensis</i>
14	Tôm Sú [Giant Tiger Prawn]	<i>Penaeus monodon</i>
15	Tôm Thẻ chân trắng [Pacific White Shrimp]	<i>Penaeus vannamei</i>
16	Tôm Thẻ rằn [Green Tiger Prawn]	<i>Penaeus semisulcatus</i>
17	Crustacean species are used as feed for aquatic animals	<i>Artemia, Daphnia sp, Moina sp, Acartia sp, Pseudodiaptomus incisus, Pracalanus parvus, Schmackeria sp, Oithona, Brachionus plicatilis,</i>
III	Krill species	
1	Bản mai [Pen Shell]	<i>Atrina pectinata</i>
2	Bào ngư bầu dục [Oval Abalone]	<i>Haliotis ovina</i>
3	Bào ngư chín lỗ (cửu khổng) [Many-colored Abalone]	<i>Haliotis diversicolor</i> Reeve, 1846
4	Bào ngư vành tai [Ass's-ear abalone]	<i>Haliotis asinina</i> Linné, 1758
5	Điệp quạt	<i>Mimachlamys crass</i>
6	Hầu cửa sông [Estuarine oyster]	<i>Crasostrea rivularis</i>
7	Hầu biển (Thái Bình Dương) [Pacific oyster]	<i>Crasostrea gigas</i> Thunberg, 1793
8	Hầu Belchery [White-scar oyster]	<i>Crasostrea Belchery</i>
9	Mực nang vân hồ	<i>Sepiella pharaonis</i>

No	Subject (Vietnamese name and English name, if any) ⁴	Scientific name
		Ehrenberg, 1831
10	Ngán [Corrugate lucine]	<i>Austriella corrugata</i>
11	Nghêu (ngao) dầu [Asiatic Hard Clam]	<i>Meretrix meretrix</i> Linné, 1758
12	Nghêu (ngao) lượn [Undulated Surf Clam]	<i>Paphia undulata</i>
13	Nghêu Bến tre (ngao, vạng) [Hard clam]	<i>Meretrix lyrata</i> Sowerby, 1851
14	Ốc hương [Spotted Babylon snail]	<i>Babylonia areolata</i> Link, 1807
15	Sò huyết [Blood cockle]	<i>Arca granosa</i>
16	Sò lông [Mogai Clam]	<i>Anadara subcrenata</i>
17	Sò Nodi [Nodular ark]	<i>Anadara nodifera</i>
18	Trai ngọc môi đen [Black-Lip Pearl Oyster]	<i>Pinctada margaritifera</i>
19	Trai ngọc trắng (Mã thị)	<i>Pteria martensii</i> Brignoli, 1972
20	Trai ngọc môi vàng (Tai tượng) [Silver-lipped pearl oysters]	<i>Pinctada maxima</i> Jameson, 1901
21	Trai ngọc nữ [Penguin's wing oyster]	<i>Pteria penguin</i>
22	Trai tai ghé [Fluted clam]	<i>Tridacna squamosa</i>
23	Tu hải [Snout otter clam]	<i>Lutraria philipinarum</i> Deshayes, 1884
24	Vẹm xanh [Asian green mussel]	<i>Perna viridis</i> Linnaeus 1758
IV	Animal species belonging to Echinodermata, Annelida, ...	
1	Cầu gai (Nhím biển) [Sea urchin]	<i>Hemicentrotus pulcherrimus</i> ,
2	Cầu gai tím	<i>Authoeidaris erassispina</i>
3	Hải sâm [Japanese sea cucumber]	<i>Holothuria Stichopus japonicus selenka</i>
4	Hải sâm cát (Đồn dột) [sandfish]	<i>Holothuria scabra</i>
5	Sá sùng (Trùn biển, Sâu đất) [Marine worm]	<i>Sipunculus nudus</i> Linnaeus, 1767
V	Seaweed species	
1	Rong câu Bành mai	<i>Gracilaria bangmeiana</i>
2	Rong câu chân vịt	<i>Gracilaria eucheumoides</i>
3	Rong câu chỉ	<i>Gracilaria tenuistipitata</i>
4	Rong câu chỉ vàng	<i>Gracilaria verrucosa</i> (G.asiatica)
5	Rong câu cước	<i>Gracilaria heteroclada</i>
6	Rong câu thùng	<i>Gracilaria lemaneiformis</i>
7	Rong hồng vân	<i>Betaphycus gelatinum</i>
8	Rong mơ	<i>Sargassum spp</i>
9	Rong sụn (Rong đỏ)	<i>Kappaphycus alvarezii</i>
10	Algae species being used as food for larval fish,	<i>Skeletonema sp.</i>

No	Subject (Vietnamese name and English name, if any) ⁴	Scientific name
	molluscs, crustaceans	<i>Chaetoceros sp, Tetraselmis sp, Chlorella sp, Cyclotella, Nannochloropsis sp, Pavlova lutheri, Isochrysis galbana, Coscinodiscus, Skeletonema, Melosima, Navicula, Thalassiothrix, Thalassionema, Nitzschia,</i>
B. Freshwater Species		
I	Freshwater fish species	
1	Cá Anh vũ [Anhvu carp]	<i>Semilabeo obscurus</i>
2	Cá Ba sa [Basa catfish]	<i>Pangasius bocourti</i>
3	Cá Bông lau [Chinese Pangasid-catfish]	<i>Pangasius krempfi</i>
4	Cá Bống cát [Fresh Water Goby]	<i>Glossogobius giuris</i>
5	Cá Bống cau [Crimson-tipped Gudgeo]	<i>Butis butis</i>
6	Cá Bống kèo (cá kèo) [lanceolate goby]	<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i> Bloch
7	Cá Bống tượng [Marble goby]	<i>Oxyeleotris marmoratus</i>
8	Cá Bống [Spinibarbus]	<i>Spinibarbus denticulatus</i> Oshima, 1926
9	Cá Chạch [spiny eel]	<i>Mastacembelus</i>
10	Cá Chạch bông [Tire track eel]	<i>Mastacembelus (armatus)</i> <i>favus</i>
11	Cá Chạch khoang	<i>Mastacembelus</i> <i>circumceintus</i>
12	Cá Chạch lá tre (Chạch gai) [Lesser spiny eel]	<i>Macrognathus aculeatus</i>
13	Cá Chạch rắn	<i>Mastacembelus taeniagaster</i>
14	Cá Chạch sông [Tire track eel]	<i>Mastacembelus armatus</i>
15	Cá Chạch khoang (heo mắt gai) [Kuhli loach]	<i>Pangio kuhlii</i>
16	Cá Chành dục [Dwarf snakehead]	<i>Channa gachua</i>
17	Cá Chát vạch [Ostropysk kvejpingský]	<i>Lissochilus clivosius</i>
18	Cá Chày (cá Chài) [Mad barb]	<i>Leptobarbus hoevenii</i>
19	Cá Chép [Common carp]	<i>Cyprinus carpio</i>
20	Cá Chiên [Goonch]	<i>Bagarius yarrelli</i>
21	Cá Chim [Silver moonfish]	<i>Monodactylus argenteus</i>
22	Cá Chim doi bốn sọc [African moony]	<i>Monodactylus sebae</i>
23	Cá Chim trắng [black pacu]	<i>Colossoma branchipomum</i> Cuvier 1818
24	Cá Chình [Pacific eels]	<i>Anguilla spp</i>
25	Cá Chuối (cá Sộp) [Striped snakehead]	<i>Channa striatus</i> Bloch 1795
26	Cá Chuối hoa [Formosan snakehead]	<i>Channa maculatus</i>
27	Cá Còm (cá Nàng hai) [Clown Knife Fish]	<i>Notopterus chitala ornate</i>

No	Subject (Vietnamese name and English name, if any) ⁴	Scientific name
28	Cá Diếc [Goldfish]	<i>Carassius auratus</i>
29	Cá Hồi vân [Coast range trout]	<i>Onchorhynchus mykiss</i>
30	Cá Hú	<i>Pagasius coneohophilus</i>
31	Cá Kết	<i>Micronema bleekeri</i>
32	Cá Lăng nha	<i>Mystus wolffii</i>
33	Cá Lăng chấm	<i>Hemibagrus guttatus/elongatus</i>
34	Cá Lăng vàng [Asian redtail catfish]	<i>Mystus nemurus</i>
35	Cá leo [Giant sheatfish]	<i>Wallago attu</i>
36	Cá Lìm kìm ao [Halfbeak]	<i>Dermogenys pusillus</i>
37	Cá Lóc bông [Giant snakehead]	<i>Channa micropeltes</i> Cuvier 1831
38	Cá Lúi sọc [Silver sharkminnow]	<i>Osteochilus vittatus</i>
39	Lươn [Asian swamp eel]	<i>Monopterus albus</i>
40	Cá Mại nam [Indian glass barb]	<i>Chela laubuca</i>
41	Cá Mè vinh [Tawes]	<i>Barbodes gonionotus</i>
42	Cá Mrigal	<i>Ciprinus mrigala</i>
43	Cá Mè hoa [Bighead carp]	<i>Hypophthalmichthys nobilis</i>
44	Cá mè hôi	<i>Osteochilus melanopleurus</i>
45	Cá Mè lúi [Hard-lipped Barb]	<i>Osteochilus hasseltii</i>
46	Cá Mè trắng Việt Nam [largescale silver carp]	<i>Hypophthalmichthys harmandi</i>
47	Cá Mè trắng Hoa Nam [Silver carp]	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>
48	Cá Mùì (cá Hường) [Kissing gourami]	<i>Helostoma temminckii</i>
49	Cá Quả (cá Chuối hoa) [Blotched snakehead]	<i>Ophiocephalus maculatus</i>
50	Cá Rầm xanh	<i>Bangana lemasoni</i>
51	Cá Rô đồng [Climbing perch]	<i>Anabas testudineus</i> Bloch, 1792
52	Cá Rô hu [Rohu]	<i>Labeo rohita</i>
53	Cá Rô phi đen [Mozambique tilapia]	<i>Oreochromis mosambicus</i>
54	Cá Rô phi vằn [Nile tilapia]	<i>Oreochromis niloticus</i>
55	Cá Rồng (cá Kim long) [Dragon fish]	<i>Scleropages formosus</i>
56	Cá Sặc [Moonlight gourami]	<i>Trichogaster microlepis</i>
57	Cá Sặc bướm [Three spot gourami]	<i>Trichogaster trichopterus</i>
58	Cá Sặc gấm [Dwarf gourami]	<i>Colisa lalia</i>
59	Cá Sặc rắn [Snakeskin gourami]	<i>Trichogaster pectoralis</i>
60	Cá Sặc trân châu [Pearl gourami]	<i>Trichogaster leeri</i>
61	Cá sừ [Boeseman croaker]	<i>Boesemania microlepis</i>
62	Cá Tai tượng Phi châu [Oscar]	<i>Astronotus ocellatus</i>
63	Cá Tai tượng (Phát tài, Hồng phát) [Red Eye Giant Gourami]	<i>Osphronemus goramy</i> var
64	Cá Tầm Trung Hoa [Chinese Sturgeon]	<i>Acipenser sinensis</i>

No	Subject (Vietnamese name and English name, if any) ⁴	Scientific name
65	Cá Thác lác [Bronze featherback]	<i>Notopterus notopterus Pallas</i>
66	Cá Thè be dài	<i>Acanthorhodeus tonkinensis</i>
67	Cá Thè be sông đáy	<i>Acanthorhodeus longibarbus</i>
68	Cá Tra [Striped Catfish]	<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>
69	Cá Trắm cỏ [Grass carp]	<i>Ctepharyngodon idellus</i>
70	Cá Trắm đen [Black carp]	<i>Mylopharyngodon piceus</i>
71	Cá Trê vàng [Bighead catfish]	<i>Clarias macrocephalus</i>
72	Cá Trê đen [Whitespotted freshwater catfish]	<i>Clarias fuscus</i> Lacepede, 1803
73	Cá Trê trắng [Walking catfish]	<i>Clarias batrachus</i>
74	Cá Trê lai [North African catfish]	<i>Clarias gariepinus sp</i>
75	Cá Trôi Ấn Độ [Rohu]	<i>Labeo rohita</i>
76	Cá Trôi ta [Mud carp]	<i>Cirrhinus molitorella</i>
77	Cá vồ dêm [Spot pangasius]	<i>Pagasius larnaudii</i> Bocour
II	Crustacean species	
1	Cua đồng [Freshwater crabs]	<i>Somanniathelphusa sinensis</i>
2	Tôm càng sông [Oriental river prawn]	<i>Macrobrachium nipponense</i>
3	Tôm càng xanh [giant river prawn]	<i>Macrobrachium rosenbergii</i>
III	Krill species	
1	Ốc nhồi	<i>Pila polita</i>
2	Trai cánh mỏng	<i>Cristaria bialata</i>
3	Trai cánh xanh	<i>Sinohyriopsis cummigii</i>
4	Trai cóc (trai com)	<i>Lamprotula leai</i>
5	Trai sông	<i>Sinanodonta elliptica</i>
VI	Amphibian reptile species	
1	Baba gai	<i>T. steinachderi</i>
2	Baba hoa	<i>Trionyx sinensis</i>
3	Baba Nam bộ	<i>T. cartilagineus</i>
VII	Amphibian species	
1	Ếch đồng [Indian bull frog]	<i>Rana tigrina</i>
2	Ếch Thái lan [Thai native frog]	<i>Rana rugulosa</i> Weigmann